TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hai và bà Cao Thị Diệu Hiền.

- ***Thư ký phiên toà***:

Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa***:

Ông Cao Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025, về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số: 70/TB-TA ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1971.

Căn cước công dân số: 087171016404.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1967.

Căn cước công dân số: 087067016285.

Cùng địa chỉ: Số C, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (nay là Số C, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

Tại phiên tòa:

Bà T có mặt; ông B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Đặng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông Nguyễn Thanh B quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 02 năm và tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1992, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2002, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm sống, ông B có tính gia trưởng, áp đặt mọi vấn đề trong cuộc sống nên cả hai thường xuyên cự cãi với nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng; thời gian kéo dài, cả hai không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; không còn hạnh phúc.

Hiện tại, bà T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn ông B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đặng D, sinh ngày 20/6/1993 và Nguyễn Đặng Q, sinh ngày 09/11/1997; các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn - ông Nguyễn Thanh B có văn bản ghi ý kiến:

Ông B thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống vợ chồng; cả hai không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện tại, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông B đồng ý ly hôn bà T. Đối với 02 người con chung đã thành niên, về tài sản chung và nợ chung, ông B không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn - bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 phát biểu ý kiến***:

- Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh B; về con chung: con đã thành niên nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại số C, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp; xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn - ông Nguyễn Thanh B vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1]. Bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Lẽ ra, bà T và ông B phải thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng nhiều quan điểm sống; ông B tính tình gia trưởng, áp đặt nhiều vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày nên thường xảy ra cự cãi làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình; đồng thời, vợ chồng cũng không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau.

[2.1.2]. Về phía ông B: Quá trình giải quyết vụ án, ông B không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Tuy nhiên, Ông có gửi văn bản ghi ý kiến thể hiện nội dung: "Ông đồng ý ly hôn bà T" và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, ông B không còn giao nộp tài liệu, chứng cứ gì khác.

[2.1.3]. Mặt khác, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B không tuân thủ quy định về kết hôn nên không có giá trị pháp lý; không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng với nhau.

[2.1.4]. Do đó, căn cứ vào các điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T - không công nhận bà T và ông B là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Bà T và ông B chung sống như vợ chồng có được 02 người con chung tên Nguyễn Đặng D, sinh ngày 20/6/1993 và Nguyễn Đặng Q, sinh ngày 09/11/1997. Hiện nay, 02 người con đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[4]. Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14, 53, và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Đặng Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị T và ông Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Con đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị T chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, bà T đã nộp theo biên lai số 0006109 ngày 27/10/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp thu) được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - ĐT;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Anh